

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ QUANG DŨNG

**PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI, QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế.

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Ngọc Kiên

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày ... tháng ... năm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận văn.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và giá trị ứng dụng của đề tài.....	7
7. Cơ cấu luận văn.....	7
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	8
1.1. Khái quát về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	8
1.1.1. Khái niệm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	8
1.1.2. Đặc điểm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	8
1.1.3. Vai trò của phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong hoạt động bảo vệ môi trường	8
1.2. Khái quát pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	9
1.2.1. Khái niệm và nguyên tắc pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải... 9	
1.2.2. Nội dung pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	9
Tiểu kết Chương 1	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	12
2.1. Thực trạng quy định pháp luật phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	12
2.1.1. Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	12
2.1.2. Đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	14

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.	14
2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.....	14
2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về căn cứ tính phí và mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.....	15
2.2.3. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế	16
2.2.4. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm của các chủ thể vi phạm quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.....	16
Tiểu kết Chương 2	17
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại Thừa Thiên Huế	18
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải gắn liền với phát triển bền vững.....	18
3.1.2. Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải đảm bảo vững chắc cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác sử dụng các nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường	18
3.1.3. Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải đảm bảo phù hợp và đồng bộ với công cụ kinh tế và pháp lý về bảo vệ môi trường	18
3.1.4. Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	19
3.2. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	19

3.2.1. Hoàn thiện quy định về đối tượng chịu phí.....	19
3.2.2. Hoàn thiện quy định về mức phí bảo vệ môi trường	19
3.2.3. Hoàn thiện quy định về kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí bảo vệ môi trường	19
3.2.4. Hoàn thiện quy định về quản lí, sử dụng phí bảo vệ môi trường.....	20
3.2.5. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật về phí bảo vệ môi trường	20
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại Thừa Thiên Huế.....	21
Tiểu kết Chương 3.....	22
KẾT LUẬN	23

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Cũng như ở nhiều quốc gia đang phát triển khác, ở Việt Nam, luật môi trường xuất hiện muộn. Vấn đề bảo vệ môi trường thực sự được quan tâm bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ XX, đánh dấu bằng việc ghi nhận một cách chính thức trong Hiến pháp năm 1992. Sự ra đời của Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 với tư cách là một đạo luật độc lập về môi trường tiếp tục khẳng định sự quan tâm của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo vệ môi trường. So với một số lĩnh vực pháp luật khác, pháp luật môi trường được coi là lĩnh vực pháp luật còn mang nhiều tính hình thức. Một số quy định không khả thi và khó triển khai trên thực tế do thiếu các thiết chế đảm bảo thực thi, cơ chế giải quyết bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra chưa phù hợp, các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về môi trường còn chưa thực sự hiệu quả. Để hiện thực hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác BVMT, hệ thống pháp luật về BVMT tại Việt Nam đã được hình thành. Để đạt được hiệu quả trong việc BVMT, pháp luật Việt Nam đã quy định việc sử dụng đan xen và hỗ trợ giữa các công cụ hành chính, hình sự, tuyên truyền giáo dục, công cụ kinh tế. Điều này đã được nhấn mạnh trong Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 “Đẩy mạnh áp dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường”. Thuế và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là công cụ kinh tế được sử dụng phổ biến tại Việt Nam.

So với các nước trên thế giới, công cụ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải ở Việt Nam được áp dụng khá muộn. Năm 2003, căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 67/2003/NĐ-CP; Nghị định số 25/2013/NĐ-CP; Nghị định số 154/2016/NĐ-CP; và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Trong quá trình thực hiện, pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn đời sống. Nhìn chung, Quy

định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã mang lại những hiệu quả nhất định trong việc BVMT, điều chỉnh hành vi chủ thể xả thải theo hướng có lợi cho môi trường và tạo được nguồn tài chính đáng kể cho ngân sách trung ương và địa phương trong BVMT. Tuy nhiên, các văn bản đó cũng dần bộc lộ những hạn chế và bất cập, làm giảm hiệu lực và hiệu quả của phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đối với khả năng giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Quy định về đối tượng chịu phí nước thải công nghiệp chưa đầy đủ, một số trường hợp không phù hợp với thực tiễn gây khó khăn trong việc thu phí; thông số ô nhiễm tính phí chưa phù hợp với điều kiện và nguồn lực thu phí của Việt Nam; việc kê khai và thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải còn rườm rà gây phiền hà cho doanh nghiệp, chưa có chế tài đủ mạnh để các doanh nghiệp tự nguyện nộp phí... Việc nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận, đánh giá đúng thực trạng pháp luật và luận cứ khoa học để thiết kế và xây dựng chính sách pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hiệu lực, hiệu quả cũng như tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã trở thành yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh Việt Nam đang cùng với các quốc gia trên thế giới nỗ lực tìm các giải pháp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Bên cạnh những bất cập của hệ thống pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại các địa phương cũng nảy sinh nhiều vướng mắc. Nghiên cứu từ thực tiễn thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường tại Thừa Thiên Huế cho thấy Sở TN&MT Thừa Thiên Huế lúng túng trong việc thực hiện một số quy định về phí bảo vệ môi trường, việc quản lý đối tượng chịu phí chưa chặt chẽ và đầy đủ, số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thu được thấp hơn số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải doanh nghiệp phải nộp, việc phân bổ nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đối với khai thác khoáng sản chưa được minh bạch và hợp lý... Do đó, tác giả lựa chọn luận văn **“Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, qua thực tiễn tại Tỉnh Thừa Thiên Huế”** làm luận văn luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận văn

Trong khoa học pháp lý, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là vấn đề tương đối mới. Do đó chưa nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học, luật gia. Tuy nhiên, trong thời gian qua, đã có một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến phí bảo vệ môi trường đối với nước thải ở các cấp độ và khía cạnh khác nhau. Có thể kể đến các nghiên cứu sau:

1) Bài viết “Áp dụng quy định mới về phí bảo vệ môi trường với nước thải” của tác giả Nguyễn Anh Tuấn trên tạp chí Pháp luật & phát triển năm 2020. Bài viết đã trình bày qui định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

2) Bài viết “Bất cập trong Quy định pháp luật về phương thức tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tác giả Lê Thị Thu Hằng trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật năm 2018. Bài viết đã phân tích một số bất cập trong Quy định pháp luật về phương thức tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

3) Bài viết “Đánh giá tác động của pháp luật về mức phí và sử dụng nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp đối với mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm môi trường” của tác giả Lê Thị Thu Hằng trên tạp chí Nghề Luật năm 2018. Bài viết đã đánh giá tác động của pháp luật về mức phí và sử dụng nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp đối với mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này.

4) Bài viết “Đánh giá tác động của pháp luật về phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt đối với mục tiêu sử dụng nước tiết kiệm” của tác giả Lê Thị Thu Hằng trên tạp chí Pháp luật và phát triển năm 2019. Bài viết đã phân tích, đánh giá tác động của pháp luật về phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt đối với mục tiêu sử dụng nước tiết kiệm; đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt nhằm nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế xả thải gây ô nhiễm.

5) Bài viết “Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nhằm nâng cao hiệu quả giảm thiểu ô nhiễm môi trường” của tác giả Lê Thị Thu Hằng trên tạp chí Nghề Luật năm 2017. Bài viết đã phân tích và đánh giá quy định về đối tượng chịu phí nước thải theo pháp luật hiện hành từ thực tiễn áp dụng của địa phương để thấy rõ những vướng mắc, bất cập của pháp luật. Đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: xác định đối tượng chịu phí, quy định về thu phí.

6) Bài viết “Nghĩa vụ nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường” của tác giả Phan Thy Tường Vi trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp năm 2010. Bài viết đề cập đến phí tài nguyên và phí bảo vệ môi trường, nghĩa vụ nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường của chủ thể khai thác khoáng sản để quản lý có hiệu quả việc khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường.

7) Luận văn tốt nghiệp “Những vấn đề pháp lý về phí bảo vệ môi trường” của tác giả Tạ Xuân Phong thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2016. Luận văn đã trình bày những vấn đề chung về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này.

Nhìn chung, các công trình được nghiên cứu trong thời gian qua chưa nghiên cứu một cách toàn diện và đầy đủ pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Do đó, trên cơ sở kế thừa, tác giả tập trung phân tích làm rõ hơn nữa thực trạng các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong thời gian qua. Đồng thời, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận và làm rõ pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thực tiễn áp dụng pháp luật trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua đó đưa ra một hệ thống giải pháp có tính toàn diện nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thực tiễn áp dụng pháp luật trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

Thứ nhất, làm rõ lý luận về pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải ở Việt Nam.

Thứ hai, phân tích và đánh giá thực trạng Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Thứ ba, Phân tích thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ đó, tìm ra những vướng mắc, bất cập của pháp luật.

Thứ tư, Đề xuất kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận trong khoa học pháp lý Việt Nam và nghiên cứu các quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Luật BVTM năm 2020, trọng tâm về tình hình thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Phí bảo vệ môi trường là vấn đề có phạm vi nghiên cứu rộng, tuy nhiên, trong phạm vi của luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những khía cạnh pháp lý của phí bảo vệ môi trường từ những vấn đề lý luận đến thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật và giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí

bảo vệ môi trường đối với nước thải. Các nội dung nghiên cứu về pháp luật phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tập trung vào 5 nhóm vấn đề: i) Quy định về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; ii) Quy định về căn cứ tính phí và mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; iii) Quy định về kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; iv) Quy định về quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; v) Trách nhiệm của các chủ thể khi vi phạm Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Về thời gian: đề tài đánh giá, làm rõ áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, từ năm 2016 đến năm 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận

Luận văn được trình bày dựa trên quan điểm nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và các cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật. Đây là phương pháp luận khoa học được vận dụng nghiên cứu trong toàn bộ luận văn để giúp tác giả nhận thức rõ hơn về tính chất và nội dung pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cũng như đánh giá khách quan về việc áp dụng quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong thực tiễn;

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng nhiều phương pháp khác nhau tùy thuộc vào từng vấn đề gồm:

- Phương pháp logic được tác giả sử dụng trong toàn bộ luận văn như là một phương pháp nhằm đảm bảo cho việc xem xét và đánh giá vấn đề một cách toàn diện.

- Các phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích được tác giả chủ yếu sử dụng ở Chương 1 nhằm làm rõ những vấn đề tổng quan về phí bảo vệ môi trường và pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

- Phương pháp tổng hợp và phương pháp thống kê được sử dụng nhiều ở Chương 2. Các phương pháp này giúp cho tác giả nêu bật được những bất cập trong quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và giải pháp hoàn thiện

Tuy nhiên, để hoàn thành mục đích nghiên cứu, tác giả đã có sự kết hợp giữa các phương pháp trong từng phần của đề tài, trong đó phương pháp phân tích và tổng hợp là phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong luận văn này. Việc sử dụng các phương pháp này trong việc nghiên cứu sẽ giúp tác giả xem xét các vấn đề từ nhiều khía cạnh khác nhau và tổng hợp lại để có cái nhìn toàn diện, khách quan về pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

6. Ý nghĩa khoa học và giá trị ứng dụng của đề tài

Luận văn bổ sung và phát triển về mặt lý thuyết những vấn đề lý luận cơ bản đối với pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, tạo cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu nhằm tiếp tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Đồng thời, những luận cứ dựa trên sự phân tích, đánh giá của luận văn còn là cơ sở để đối chiếu và điều chỉnh thực tiễn thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại các trường đại học, học viện chuyên ngành luật học, là tài liệu tham khảo hữu ích, cung cấp những tri thức khoa học cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với việc nghiên cứu và thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

7. Cơ cấu luận văn

Luận văn bao gồm những phần sau: Mục lục, Mở đầu, Nội dung, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo. Phần Nội dung gồm ba chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1.1. Khái quát về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.1.1. Khái niệm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

“Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp dịch vụ cho hoạt động BVMT”.

1.1.2. Đặc điểm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gắn liền với việc sử dụng dịch vụ liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ thể cung cấp dịch vụ.

Thứ hai, Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được xây dựng trên nguyên tắc cơ bản là người gây ô nhiễm phải trả. Về nguyên tắc, giá cả của hàng hóa, dịch vụ phải phản ánh đầy đủ các chi phí xã hội, kể cả chi phí môi trường (bao gồm các chi phí chống ô nhiễm, khai thác tài nguyên cũng như các dạng ảnh hưởng khác của môi trường). Nếu không đảm bảo được điều này sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp sử dụng bừa bãi các nguồn tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên trầm trọng.

1.1.3. Vai trò của phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong hoạt động bảo vệ môi trường

Thứ nhất, Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có tác dụng điều chỉnh hành vi của người gây ô nhiễm theo hướng có lợi cho môi trường

Thứ hai, Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường

1.2. Khái quát pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.2.1. Khái niệm và nguyên tắc pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cũng như quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các chủ thể có liên quan nhằm điều chỉnh hành vi của chủ thể xả thải theo hướng có lợi cho môi trường và tạo nguồn thu cho hoạt động BVMT”.

1.2.1.2. Nguyên tắc thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền

Thứ hai, Nguyên tắc đảm bảo phát triển bền vững

1.2.2. Nội dung pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.2.2.1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Đối với pháp luật của bất kì quốc gia nào, việc xác định rõ ràng và cụ thể đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Mục tiêu của việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là giảm thiểu ô nhiễm môi trường nên Chính phủ các nước phải xác định và kiểm soát được đối tượng gây ô nhiễm thông qua việc quy định đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

1.2.2.2. Căn cứ tính phí và mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Về căn cứ tính phí: Căn cứ thông dụng mà các quốc gia trên thế giới quy định để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đối với nước thải là dựa vào lượng phát thải và thành phần phát thải (khối lượng và chất lượng chất gây ô nhiễm). Ngoài hai căn cứ cơ bản này, một số quốc gia quy định thêm những căn

cứ tính phí khác như vị trí tiếp nhận nguồn thải (Pháp), phát thải trong hoặc ngoài hệ thống (Quebec), định mức phát thải (Nga)...

Thứ hai, Về mức phí và phương pháp tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đối với nước thải

1.2.2.3. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Nhóm quy phạm pháp luật này quy định trình tự, thủ tục kê khai và nộp phí, xác định thẩm quyền và nghĩa vụ của các cơ quan thu phí, xác định quyền và nghĩa vụ của chủ thể nộp phí.

Cơ bản, việc kê khai và nộp phí được thực hiện theo trình tự: i) Người nộp phí tự kê khai phí; ii) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phí; iii) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra thông báo số phí phải nộp; iv) Người nộp phí tiến hành nộp phí.

1.2.2.4. Quản lí và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thu được sẽ được phân cấp quản lí và sử dụng. Tùy theo quy định của từng quốc gia, có quốc gia dành phần lớn số phí thu được để trang trải cho hoạt động thu phí nhưng có quốc gia lại dành phần lớn số phí thu được cho hoạt động đầu tư BVMT. Tỷ lệ phí để lại cho hoạt động thu phí và hoạt động đầu tư BVMT được điều chỉnh theo từng giai đoạn phát triển của các quốc gia.

1.2.2.5. Trách nhiệm của các chủ thể khi vi phạm quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Đây là nhóm quy phạm pháp luật về chế tài xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Chế tài xử phạt vi phạm pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sẽ tác động trực tiếp đến thái độ, hành vi của các chủ thể trong việc thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Tiêu kết Chương 1

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là công cụ kinh tế được các quốc gia trên thế giới sử dụng khá phổ biến trong quản lý và BVMT. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có tác dụng điều chỉnh hành vi của chủ thể xả thải theo hướng có lợi cho môi trường, tạo nguồn thu cho ngân sách trong hoạt động quản lý và BVMT. Việc nghiên cứu cơ sở lý luận về phí bảo vệ môi trường và pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp việc đánh giá thực trạng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cũng được khách quan, đúng đắn. Trong việc hoạch định và xây dựng hệ thống pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, cơ sở lý luận về phí bảo vệ môi trường và pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sẽ tạo nền tảng vững chắc để các nhà hoạch định chính sách Việt Nam hình thành hệ thống pháp luật về phí bảo vệ môi trường hoàn thiện, đáp ứng các yêu cầu của thực tế đời sống, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng quy định pháp luật phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

2.1.1. Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

2.1.1.1. Quy định pháp luật về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Ở Việt Nam, đối tượng chịu phí nước thải được điều chỉnh từ giai đoạn đầu thu phí cho đến nay chỉ gồm hai đối tượng đó là nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Qua các giai đoạn, đối tượng chịu phí nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành đã được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn xả thải gây ô nhiễm.

2.1.1.2. Quy định pháp luật về căn cứ tính phí và mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, Đối với nước thải sinh hoạt

Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP đã có điều chỉnh về mức thu phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cao hơn trong những trường hợp cần thiết phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, phù hợp với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả, giúp một số địa phương ở vùng nông thôn có thêm nguồn kinh phí xử lý ô nhiễm nước thải sinh hoạt.

Thứ hai, Đối với nước thải công nghiệp

Một là, về căn cứ tính phí

Về kỹ thuật lập pháp thì căn cứ tính phí ở Việt Nam chủ yếu dựa và thông số ô nhiễm và lưu lượng nước thải. Tính đến nay, việc thu phí nước thải tại Việt Nam được thực hiện trên 10 năm nhưng đã có 3 văn bản pháp lý điều chỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Các căn cứ về lưu lượng nước thải và

thông số ô nhiễm tính phí đã có sự điều chỉnh qua các giai đoạn. Hiện nay, Nghị định số 53/2020/NĐ-CP đã quy định về căn cứ tính phí cụ thể như sau:

(i) Điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải tính phí cố định

(ii) Điều chỉnh thông số ô nhiễm tính phí

Hai là, về mức phí

Giai đoạn đầu thu phí, Việt Nam thu phí một nấc và đã không đạt được hiệu quả BVMT như mong muốn. Chế độ thu phí 2 nấc gồm phí cố định và phí biến đổi đã được áp dụng từ ngày 01.07.2013 cho đến nay.

Theo pháp luật hiện hành, cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m³/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi) như sau:

* Năm 2020, áp dụng mức phí 1.500.000 đồng/năm.

* Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau:

Số TT	Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Dưới 5	2.500.000

2.1.1.3. Quy định pháp luật về kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí đối với nước thải

Thứ nhất, Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được thực hiện theo các bước chính sau: xác định số phí phải nộp, thu và nộp phí.

Thứ hai, Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Theo quy định, việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo các bước chính sau: tự kê khai, thẩm định và ra thông báo nộp phí, nộp phí.

2.1.1.4. Quy định pháp luật về quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, Đối với nước thải sinh hoạt

Thứ hai, Đối với nước thải công nghiệp

2.1.2. Đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên hiện nay còn rất thấp và nguồn thu này không thể đáp ứng được các chi phí xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định. Hiện nay chúng ta không thể quan trắc hết tất cả các cơ sở công nghiệp về lưu lượng, nồng độ nước thải để tính toán mức phí cho từng cơ sở. Việc xác định các đối tượng nộp phí hiện nay là chưa đầy đủ, chưa bao quát hết các thành phần gây ÔNMT.

Thứ hai, biện pháp chế tài chưa hiệu quả. Sở dĩ tồn tại trên thực tế tình trạng có những doanh nghiệp cố tình hết lần này đến lần nọ không chịu nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là do chưa có các biện pháp chế tài đủ mạnh để cưỡng chế các doanh nghiệp trây ỳ không chịu nộp phí. Biện pháp xử phạt mạnh nhất đang áp dụng với những trường hợp cố tình không đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đang được áp dụng chỉ là xử phạt hành chính

Thứ ba, có sự thiếu thống nhất, bất đồng quan điểm giữa các cơ quan quản lý nhà nước về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, các công cụ phục vụ hỗ trợ công tác thu phí vẫn chưa đầy đủ. Hiện nay, các loại phí và lệ phí đều do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, nhưng về lĩnh vực môi trường thì rõ ràng Bộ Tài chính không phải là cơ quan quản lý chuyên ngành và có các chuyên gia nắm vững các nguyên tắc, nguyên lý cơ bản của lĩnh vực này.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế

Triển khai thực hiện pháp luật về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường, Thừa Thiên Huế hầu như không gặp khó khăn trong việc thu phí đối với nước thải sinh hoạt. Khó khăn, vướng mắc chủ yếu liên quan đến việc thực hiện pháp luật về đối tượng chịu phí nước thải công nghiệp.

Thứ nhất, Khó khăn, vướng mắc thực hiện đối tượng chịu phí do bất cập của pháp luật

Một là, bất cập quy định thu phí đối với nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất, chế biến và nước mưa tự nhiên chảy tràn

Hai là, bất cập pháp luật không quy định đối tượng chịu phí là các cửa hàng thức ăn nhanh, siêu thị

Ba là, bất cập pháp luật quy định về đối tượng chịu phí nước thải và đối tượng chịu giá dịch vụ

Thứ hai, Khó khăn, vướng mắc thực hiện đối tượng chịu phí do năng lực tổ chức thực hiện còn hạn chế

Một là, do nhận thức không đúng và không đầy đủ về quy định pháp luật của chính quyền địa phương dẫn đến lúng túng trong việc tổ chức thực hiện pháp luật

Hai là, do năng lực quản lí, giám sát đối tượng chịu phí còn hạn chế

2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về căn cứ tính phí và mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, Đối với nước thải sinh hoạt

Thứ hai, Đối với nước thải công nghiệp

Một là, bất cập pháp luật về quy định tính phí cố định 1.500.000 đồng/năm đối với các cơ sở có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20 m³/ngày đêm cho tất cả các ngành nghề.

Hai là, bất cập pháp luật không quy định rõ phí cố định 1.500.000 đồng/năm thu theo hộ gia đình sản xuất hay thu theo số lượng cơ sở sản xuất của hộ gia đình

Ba là, bất cập pháp luật quy định tính phí biến đổi với mức xả thải từ 20 m³/ngày đêm trở lên làm giảm nguồn thu cho hoạt động BVMT

Bốn là, Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật về căn cứ tính phí và mức phí do năng lực tổ chức thực hiện pháp luật

2.2.3. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế

Việc quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp tại Thừa Thiên Huế không gặp vướng mắc, bất cập. Việc quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về phí bảo vệ môi trường. Đối với nước thải sinh hoạt, tỉ lệ phí để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch là 10%, tỉ lệ phí để lại cho việc trang trải trong hoạt động thu phí là 25%. Đối với nước thải công nghiệp, tỉ lệ phí để lại cho hoạt động thu phí là 25%; 75% còn lại nộp vào ngân sách địa phương để sử dụng cho công tác BVMT, bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ BVMT của địa phương

2.2.4. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm của các chủ thể vi phạm quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực tiễn hiện nay cho thấy trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế chưa xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường. Khi thấy dấu hiệu vi phạm hoặc có vi phạm pháp luật về phí bảo vệ môi trường xảy ra, các phòng chức năng của Sở TN&MT sẽ gửi thông báo nhắc nhở đối với chủ thể vi phạm. Sau khi nhắc nhở, nếu các doanh nghiệp vẫn tiếp tục không nộp phí hoặc không kê khai phí, các phòng chức năng sẽ lập danh sách gửi Thanh tra Sở TN&MT xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 55/2021/NĐ-CP).

Tiểu kết Chương 2

Nhìn chung, Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã mang lại những hiệu quả nhất định trong việc BVMT, điều chỉnh hành vi của chủ thể xả thải theo hướng có lợi cho môi trường và tạo được nguồn tài chính đáng kể cho ngân sách trung ương và địa phương trong BVMT. Bên cạnh những ưu điểm, pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải còn bộc lộ những bất cập, vướng mắc làm hạn chế khả năng khuyến khích giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Những bất cập, vướng mắc của pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường ở địa phương. Từ thực tiễn Tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy một số quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã không phù hợp với thực tế khiến cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương lúng túng trong việc xác định đối tượng chịu phí; pháp luật quy định bỏ sót đối tượng chịu phí, tạo sự bất bình đẳng giữa các chủ thể gây ô nhiễm. Ngoài nguyên nhân do bất cập của pháp luật, những khó khăn và vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải từ thực tiễn tại Tỉnh Thừa Thiên Huế còn xuất phát từ nguyên nhân chủ quan là do năng lực tổ chức thực hiện của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đã nhận thức không đúng và không đầy đủ về quy định pháp luật của chính quyền địa phương dẫn đến lúng túng trong việc tổ chức thực hiện pháp luật. Việc đánh giá thực trạng pháp luật phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thực tiễn thực hiện pháp luật trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tạo thành tiền đề cho việc xây dựng quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại Thừa Thiên Huế

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải gắn liền với phát triển bền vững

Quan điểm tiếp cận xây dựng và áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải gắn liền với phát triển bền vững còn giúp cho việc xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật về môi trường nói chung, pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải riêng cũng như các chính sách khác về KT&XH có được sự thống nhất, không bị mâu thuẫn, chông chéo

3.1.2. Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải đảm bảo vững chắc cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác sử dụng các nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường

Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, khó có thể BVMT một cách có hiệu quả, nếu không có nguồn tài chính đảm bảo. Bên cạnh công cụ pháp luật và chính sách có tính chất mệnh lệnh mà Nhà nước đã và đang áp dụng trong việc quản lý và BVMT ở nước ta hiện nay thì còn có một công cụ không kém phần hữu hiệu mà chúng ta đang sử dụng là CCKT

3.1.3. Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải đảm bảo phù hợp và đồng bộ với công cụ kinh tế và pháp lý về bảo vệ môi trường

Phí bảo vệ môi trường là công cụ kinh tế được các quốc gia trên thế giới sử dụng khá phổ biến trong quản lý và BVMT, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động BVMT của các quốc gia. Tuy nhiên, để BVMT một cách hiệu quả, phí bảo vệ môi trường phải được thiết kế và sử dụng đồng bộ với các công cụ kinh tế khác, cũng như các công cụ mệnh lệnh - kiểm soát và công cụ tuyên truyền giáo dục.

3.1.4. Pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Mặc dù, có nhiều nỗ lực trong việc thiết lập các cơ chế và giải pháp BVMT trong thời gian qua, nhưng thực trạng môi trường Việt Nam vẫn còn thách thức, đó là sự gia tăng của ÔNMT và sự cố môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật; năng lực ứng phó sự cố còn hạn chế; biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường xuyên biên giới ngày càng lớn, phức tạp, khó lường, đặt ra các yêu cầu ngày càng cao đối với công tác BVMT

3.2. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

3.2.1. Hoàn thiện quy định về đối tượng chịu phí

Thứ nhất, không quy định nước thải từ các cơ sở “khai thác khoáng sản” là đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Thứ hai, xác định rõ ràng đối tượng chịu phí đối với nước thải tại các siêu thị có hoạt động chế biến thực phẩm, thức ăn nhanh, sản xuất bánh, các cửa hàng thức ăn nhanh

Thứ ba, thống nhất thu giá dịch vụ đối với các hộ thoát nước vừa sử dụng nước cấp vừa sử dụng nước ngầm

Thứ tư, bổ sung hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị là đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Thứ năm, bổ sung “khu công nghệ cao là đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp”

3.2.2. Hoàn thiện quy định về mức phí bảo vệ môi trường

Thứ nhất, Về mức phí nước thải sinh hoạt

Thứ hai, Về mức phí nước thải công nghiệp

3.2.3. Hoàn thiện quy định về kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí bảo vệ môi trường

Thứ nhất, thay đổi thời gian kê khai phí

Thứ hai, thay đổi tần suất nộp phí đối với các cơ sở sản xuất có phí biến đổi thấp

3.2.4. Hoàn thiện quy định về quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường

Quỹ bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT) là loại CCKT được sử dụng khá phổ biến hiện nay cho mục đích BVMT. Về phương diện pháp lý, Quỹ BVMT là một tổ chức tài chính được lập ra để hỗ trợ cho việc sử dụng và bảo tồn nguồn tài nguyên một cách bền vững. Do đó, Quỹ BVMT hoạt động thông thường dưới hình thức cung cấp hỗ trợ tài chính với các điều khoản ưu đãi, các khoản trợ cấp không hoàn lại, các khoản vay vốn dài hạn với lãi suất thấp hơn lãi suất hiện hành trên thị trường.

Để phân bổ bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ BVMT của địa phương được sử dụng hiệu quả, theo tác giả cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, Bổ sung nguồn vốn cho Quỹ BVMT bằng cách thu hút vốn ODA, WB và các tổ chức quốc tế khác đầu tư cho môi trường tại Việt Nam.

Thứ hai, Hoàn thiện các quy chế, quy trình nghiệp vụ theo hướng thông thoáng, gọn nhẹ để các đơn vị có nhu cầu có thể tiếp cận được nguồn vốn. Cụ thể:

- Tích cực tiếp cận các đơn vị có nhu cầu và giải quyết cho vay đối với các CĐT về môi trường đáp ứng được các điều kiện theo quy định của Nhà nước;

- Nghiên cứu đề xuất mở rộng đối tượng cho vay ưu đãi, chú ý tới nhóm đối tượng nhà thầu triển khai dự án BVMT

- Nghiên cứu xem xét đề xuất bổ sung hoàn thiện các quy định hoạt động nghiệp vụ, cơ chế ưu đãi cho phù hợp với thực tế. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ tài chính như Quyết định của TTCP đã ban hành (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ không hoàn lại

3.2.5. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật về phí bảo vệ môi trường

Thứ nhất, tăng mức tiền phạt.

Thứ hai, điều chỉnh hình thức phạt bổ sung.

Thứ ba, bổ sung quy định áp dụng buộc lao động vệ sinh môi trường có thời hạn ở nơi công cộng vào biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ

chức có những hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng.

Thứ tư, điều chỉnh quy định về thẩm quyền xử phạt VPHC.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, Bộ TN&MT nên phân cấp, ủy quyền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đến cấp huyện đối với các cơ sở sản xuất nhỏ, quy mô hộ gia đình. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh cần sớm thông qua các đề án và ban hành quy chế về việc thu phí trên địa bàn.

Thứ hai, Trong sắp xếp bộ máy nhà nước, cần thực hiện việc chuyển giao dần các nội dung về môi trường và quản lý các thành phần môi trường cho một cơ quan, theo đúng nghĩa của cơ quan quản lý chuyên ngành về môi trường

Thứ ba, Nâng cao nhận thức của cộng đồng nói chung và của các đối tượng nộp phí nói riêng trong việc kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ tư, Tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường

Tiểu kết Chương 3

Việc áp dụng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác quản lý và BVMT theo định hướng đảm bảo phát triển bền vững ở nước ta. Để pháp luật về phí bảo vệ môi trường phát huy hiệu lực và hiệu quả thì cần có một sự thiết kế chặt chẽ. Theo nghiên cứu của World Bank 1998 thì việc thực hiện một chương trình thu phí bảo vệ môi trường được thiết kế thiếu chặt chẽ sẽ không mang lại những lợi ích đáng kể về kinh tế và môi trường. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế, tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tập trung vào các vấn đề: i) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đối tượng chịu phí; ii) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về mức phí và căn cứ tính phí bảo vệ môi trường; iii) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí bảo vệ môi trường; iv) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

Trên thế giới, nhiều công cụ quản lý đã được áp dụng để BVMT. Với việc áp dụng các CCKT trong BVMT, các quốc gia đã gắn lợi ích kinh tế của các chủ thể với lợi ích môi trường của cộng đồng thông qua việc Nhà nước sử dụng lợi ích kinh tế để định hướng hành vi. Trong nhóm CCKT thì phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được áp dụng khá phổ biến; là nguồn thu quan trọng cho công tác BVMT. Việc ban hành và thực hiện các văn bản pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là rất cần thiết trong hoàn cảnh hiện nay nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bởi vì, thực hiện tốt các quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải không những đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động BVMT mà còn góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT của các chủ thể; góp phần định hướng hành vi của các chủ thể gây ÔNMT; đảm bảo bình đẳng và công bằng xã hội. Với các mục đích, đối tượng, mục đích và phạm vi nghiên cứu đã xây dựng, trong quá trình thực hiện Luận văn tác giả đã nghiên cứu, làm rõ, giải quyết được các nội dung sau đây:

Thứ nhất, Phân tích, làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của phí BVMT đối với nước thải

Thứ hai, Làm rõ khái niệm, nguyên tắc và nội dung pháp luật về phí BVMT đối với nước thải

Thứ ba, Phân tích các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải ở các nội dung chủ yếu, bao gồm : i) Quy định về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; ii) Quy định về căn cứ tính phí và mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; iii) Quy định về kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; iv) Quy định về quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; v) Trách nhiệm của các chủ thể khi vi phạm Quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Từ đó, cho thấy bên cạnh những ưu điểm, pháp luật về phí bảo vệ môi trường

đối với nước thải còn bộc lộ những bất cập, vướng mắc làm hạn chế khả năng khuyến khích giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Những bất cập, vướng mắc của pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường ở địa phương

Thứ tư, Phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ thực tiễn Tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy một số quy định pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã không phù hợp với thực tế khiến cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương lúng túng trong việc xác định đối tượng chịu phí; pháp luật quy định bỏ sót đối tượng chịu phí, tạo sự bất bình đẳng giữa các chủ thể gây ô nhiễm. Ngoài nguyên nhân do bất cập của pháp luật, những khó khăn và vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải từ thực tiễn tại Tỉnh Thừa Thiên Huế còn xuất phát từ nguyên nhân chủ quan là do năng lực tổ chức thực hiện của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đã nhận thức không đúng và không đầy đủ về quy định pháp luật của chính quyền địa phương dẫn đến lúng túng trong việc tổ chức thực hiện pháp luật.

Thứ năm, Đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được luận văn đề cập chủ yếu tập trung vào các vấn đề: i) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đối tượng chịu phí; ii) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về mức phí và căn cứ tính phí bảo vệ môi trường; iii) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí bảo vệ môi trường; iv) Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường.